

Số: 84 /TB-UBND

Dương Kinh, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

**Số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
giáo dục và đào tạo quận năm 2025**

Căn cứ quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao biên chế, số người làm việc, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hải Phòng năm 2025, Ủy ban nhân dân quận thông báo như sau:

1. Số lượng người làm việc.

Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo quận năm 2025 trên địa bàn quận là 650 biên chế và 82 hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó:

- Bậc Mầm non: 207 biên chế và 22 hợp đồng, 47 nhân viên nấu ăn.
- Bậc Tiểu học: 244 biên chế và 13 hợp đồng.
- Bậc Trung học cơ sở: 192 biên chế và 44 hợp đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: 07 biên chế và 03 hợp đồng lao động.

2. Trách nhiệm quản lý số người làm việc tại đơn vị

Căn cứ số người làm việc được thông báo, đề nghị các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thực hiện các quy định về quản lý tổ chức bộ máy, viên chức và lao động hợp đồng theo quy định tại Quyết định số 3356/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của Ủy ban nhân dân quận Quy định một số nội dung quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận Dương Kinh.

Ủy ban nhân dân quận thông báo để các đơn vị thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ thành phố;
- CT; PCT UBND quận;
- Các phòng: NV; GD&ĐT; TC-KH quận;
- Các ĐVSN giáo dục và đào tạo quận;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH**

PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẬC TIỂU HỌC NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /2025 của Ủy ban nhân dân)

Số TT	Trường	Số lớp				Số người làm việc trong chỉ tiêu biên chế được giao				Số hợp đồng giao theo ND 111/2022				Tổng số người làm việc được giao 2025	Ghi chú
		Tổng số lớp	Số lớp dạy 1 buổi ngày	Số lớp dạy 2 buổi ngày	Tổng số	Trong đó				Giáo viên	Nhân viên				
						Cán bộ quản lý	Giáo viên	TPT đội	Nhân viên						
A	B	$1=2+3$	2	3	$4=5+6+7+8$	5	6	7	8	9	10	$11=4+9+10$	12		
1	Anh Dũng	20	0	20	37	3	31	1	2	2		39			
2	Đa Phúc	25	0	25	43	3	37	1	2	2	1	46			
3	Hải Thành	26	0	26	47	3	41	1	2	0	1	48			
4	Hòa Nghĩa	27	0	27	46	3	40	1	2	2	1	49			
5	Hưng Đạo	28	0	28	50	3	44	1	2	2	1	53			
6	TH&THCS Tân Thành (khối Tiểu học)	15	0	15	21		21			1		22			
Cộng		141	0	141	244	15	214	5	10	9	4	257			

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH

SỞ NGƯỜI LÀM VIỆC BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân quận)

STT	Trường	Số lớp	Số người làm việc trong chỉ tiêu biên chế được giao 2025						Số hợp đồng giao theo ND 111/2022			Tổng số người làm việc được giao 2025	Ghi chú
			Tổng	Trong đó				Giáo viên	Nhân viên				
				Cán bộ quản lý	Giáo viên	Đoàn đội	Nhân viên						
A	B	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	8	9=2+7+8	10		
1	Anh Dũng	16	28	3	22	1	2	7	1	36			
2	Đa Phúc	20	37	3	32	1	1	5	2	44			
3	Hải Thành	16	28	3	22	1	2	7	1	36			
4	Hòa Nghĩa	20	37	3	31	1	2	6	1	44			
5	Hưng Đạo	22	38	3	32	1	2	8	1	47			
6	TH-THCS Tân Thành (bậc THCS)	12	24	3	18	1	2	4	1	29			
Cộng bậc THCS		106	192	18	157	6	11	37	7	236			
TH-THCS Tân Thành gồm:	Bậc Tiểu học Tân Thành	15	21		21			1		22			
	Bậc THCS Tân Thành	12	24	3	18	1	2	4	1	29			
Tổng TH-THCS Tân Thành		27	45	3	39	1	2	5	1	51			

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH

SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẠC HỌC MẦM NON NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND, ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân)

STT	Trường	Số lớp			Số người làm việc trong chi tiêu biên chế được giao 2025				Ghi nhận nhân viên nấu ăn trong chi tiêu	Số hợp đồng giao theo ND 111/2022			Tổng số người làm việc năm 2025 (không tính nhân viên nấu ăn)	Ghi chú
		Tổng số lớp	Trong đó		Tổng lao động biên chế được giao	Trong đó				Giáo viên	Nhân viên			
			Tổng số lớp mẫu giáo	Tổng số lớp nhà trẻ		Viên chức quản lý	Giáo viên	NV khác						
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10	11=4+9+10	12	
1	Anh Dũng	14	12	2	33	3	29	1	6	0	1	34		
2	Đa Phúc	14	12	2	33	3	29	1	7	3	1	37		
3	Hải Thành	15	12	3	36	3	32	1	7	1	1	38		
4	Hòa Nghĩa	18	16	2	39	3	35	1	11	6	1	46		
5	Hung Đạo	17	15	2	39	3	35	1	10	4	1	44		
6	Tân Thành	11	9	2	27	3	23	1	6	2	1	30		
Cộng		89	76	13	207	18	183	6	47	16	6	229		